

HƯỚNG DẪN KHAI HỒ SƠ TUYỂN SINH SDH

1. Đơn xin dự thi (*Mẫu 1*).
2. Lý lịch khoa học (hoặc lý lịch tự thuật) (*mẫu 2*).
3. Giấy chứng nhận sức khỏe (*bệnh viện đa khoa cấp Quận, Huyện*).
4. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học.
5. 03 ảnh (cỡ 3x4), 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận.

Địa chỉ nhận hồ sơ qua đường bưu điện: Phòng đào tạo sau đại học, Trường đại học
Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

ĐT: 02438386438

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ THI TUYỂN CAO HỌC

Kính gửi: ÔNG HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

1. Tên tôi là:
2. Sinh ngày tháng năm
3. Nơi sinh:
4. Hộ khẩu thường trú:.....
5. Nghề nghiệp:
6. Đơn vị công tác:
7. Cơ quan chủ quản:
8. Địa chỉ liên hệ:
-
- Điện thoại: Nhà riêng: Di động: Cơ quan:
9. Đối tượng dự thi (Tự do, Cán bộ nhà nước):
10. Ngành tốt nghiệp Đại học:
- Trường tốt nghiệp:
- Năm tốt nghiệp:..... Xếp loại:.....
- Hệ đào tạo:
11. **Ngành đăng ký dự thi Cao học:**.....

Tôi xin cam đoan chấp hành đầy đủ các điều khoản về thi tuyển và chương trình học tập, nghiên cứu theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

....., Ngày tháng năm

Người làm đơn ký
(Ghi rõ họ và tên)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Mẫu 2:

(Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Ngày, tháng, năm sinh: _____ Nơi sinh: _____
Quê quán: _____ Dân tộc: _____
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu: _____

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: _____

Điện thoại cơ quan: _____ Điện thoại nhà riêng: _____
Fax: _____ E-mail: _____

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ _____ / _____ đến _____ / _____
Nơi học (trường, thành phố): _____
Ngành học: _____

2. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ _____ / _____ đến _____ / _____
Nơi học (trường, thành phố): _____
Ngành học: _____
Tên đề án, luận án hoặc môn thi tốt nghiệp: _____
Ngày và nơi bảo vệ đề án, luận án hoặc thi tốt nghiệp: _____
Người hướng dẫn: _____

3. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ _____ / _____ đến _____ / _____
Nơi học (trường, thành phố): _____
Ngành học: _____
Tên luận văn: _____
Ngày và nơi bảo vệ luận văn: _____
Người hướng dẫn: _____

4. Tiến sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ _____ / _____ đến _____ / _____
Tại (trường, viện, nước): _____
Tên luận án: _____
Người hướng dẫn: _____
Ngày và nơi bảo vệ: _____

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ): _____

6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày và nơi cấp: _____

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ:

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ ĐẠO HỌC

(ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng....năm 20.....

NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH
BẬC 2 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

(Theo Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Yêu cầu:

- Đề thi gồm 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết được yêu cầu cụ thể về định dạng, thời gian, nội dung cho từng kỹ năng như trong Phần I. Cấu trúc đề thi.
- Hình thức trình bày: Đánh máy vi tính, trên khổ A4, có phần phách và phần thí sinh ghi thông tin riêng.

I. CẤU TRÚC ĐỀ THI

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Nội dung	Dạng câu hỏi
NGHE	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyên kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi.
ĐỌC	Kiểm tra các tiểu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
VIẾT		35 phút	3 bài viết	Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn.
NÓI	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10phút(bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	Phần 1: <i>Chào hỏi</i> Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi. Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể. Phần 4: <i>Thảo luận</i> Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.

II. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI VÀ MÔ TẢ NĂNG LỰC ỨNG VỚI ĐIỂM THI

1. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.
- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.
- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI TUYỂN SINH
HỆ SAU ĐẠI HỌC MÔN TOÁN**

PHẦN CHUNG.

- 1. Hàm nhiều biến, đạo hàm, vi phân hàm nhiều biến**
 - Khái niệm
 - Tính đạo hàm và vi phân cấp 1 và cấp 2 hàm nhiều biến.
- 2. Cực trị hàm nhiều biến**
 - Khái niệm.
 - Tìm cực trị hàm nhiều biến.
- 3. Tích phân kép**
 - Khái niệm.
 - Cách tính tích phân trong tọa độ Đề các, trong tọa độ cực.
- 4. Tích phân đường loại 2**
 - Khái niệm.
 - Phương pháp tính tích phân đường loại 2.
 - Định lí về điều kiện cần và đủ để tích phân đường loại 2 không phụ thuộc vào đường lấy tích phân.

PHẦN TỰ CHỌN (Thí sinh được chọn phần A hoặc phần B).

Phần A. (Phương trình vi phân và chuỗi).

Phương trình vi phân

- Phương trình vi phân cấp 1: phương trình phân ly, phương trình tuyến tính, phương trình vi phân toàn phần.
- Phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 có hệ số hằng số.

Chuỗi

- Chuỗi số (các khái niệm cơ bản, các tiêu chuẩn so sánh, Cauchy, D'Alembert, Leibnitz, tích phân, hội tụ tuyệt đối).
- Chuỗi hàm (các khái niệm và quy tắc tìm miền hội tụ của chuỗi hàm).

Phần B. (Xác suất và thống kê).

Xác suất và xác suất có điều kiện

- Biến cố và xác suất của biến cố.
- Xác suất có điều kiện.

Biến ngẫu nhiên

- Bảng phân phối xác suất.
- Hàm phân phối và hàm mật độ.
- Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
- Luật nhị thức, luật phân bố chuẩn, phân bố Poa-xông.

Biến ngẫu nhiên hai chiều

- Bảng phân phối đồng thời.
- Hệ số tương quan.

Mẫu thống kê và ước lượng tham số

- Mẫu thống kê.
- Ước lượng khoảng cho kỳ vọng và phương sai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Toán học cao cấp, tập 2*, NXB Giáo dục, 2006.
- [2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Toán học cao cấp, tập 3*, NXB Giáo dục, 2006.
- [3] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Bài tập Toán học cao cấp, tập 2*, NXB Giáo dục, 2006.
- [4] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Bài tập Toán học cao cấp, tập 3*, NXB Giáo dục, 2006.
- [5] Tổng Đình Quỳnh, *Giáo trình xác suất thống kê*, NXB Bách Khoa-Hà Nội, 2009.